



SỞ Y TẾ TÂY NINH
CHI CỤC AN TOÀN
VỆ SINH THỰC PHẨM

Số: 260 /HCTH-ATTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**PHIẾU TIẾP NHẬN
BỘ HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Họ và tên: Hồ Công Điệp

Chức vụ, đơn vị công tác: Phòng HCTH

Đã tiếp nhận hồ sơ của: Công ty TNHH La Vie

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, khu phố Trường Khánh, Phường Trường Khánh,
Tỉnh Tây Ninh

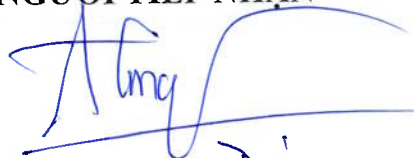
Ông bà: ; Điện thoại:

Hồ sơ bao gồm:

STT	Thành phần hồ sơ	Đã nhận		Ghi chú
		Có	Không	
01	Bản tự công bố sản phẩm	x		
02	Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn dự kiến)	x		
03	Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực)	x		
STT	TÊN LOẠI SẢN PHẨM	SỐ CÔNG BỐ		
1	Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga	01/TN/La Vie/2026		

NGƯỜI NỘP

NGƯỜI TIẾP NHẬN


Hồ Công Điệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/TN/La Vie/2026
(TCCS 01:2026/LA VIE)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH La Vie

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 027 23511801

Fax: 0272 3511740

Mã số doanh nghiệp: 1100101187

Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000): Được đánh giá và tái chứng nhận theo quy định.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga

2. Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%).

3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai với các thể tích thực 450 ml; 700 ml; 18,5L và 19L.

- Chất liệu bao bì:

• Đối với quy cách 450 ml: Sản phẩm được đóng gói trong chai thủy tinh, nắp nhôm phù hợp với QCVN 12-2:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; QCVN 12-3:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm và QCVN 12-4:2015/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

• Đối với các quy cách còn lại: Sản phẩm được đóng gói trong chai nhựa, nắp nhựa phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Đối với quy cách 18,5 L và 19 L: Ngày đầu tiên của tháng thứ 08 tính từ tháng sản xuất.
- Đối với quy cách 450 ml: 12 tháng tính từ ngày sản xuất.
- Đối với quy cách 700 ml: Ngày đầu tiên của tháng thứ 13 tính từ tháng sản xuất.

NSX và HSD được in trên bao bì.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm là mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 01 tháng 04 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Hữu Hào



BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TÂY NINH	THỰC PHẨM THƯỜNG	TCCS số: TCCS 01:2026/LA VIE
CÔNG TY TNHH LA VIE	NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE KHÔNG GA	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

- Hàm lượng khoáng trong nước:

STT	Mục	Ngưỡng công bố trên 1 lít sản phẩm
1	Tổng chất rắn hòa tan	310 – 390 mg
2	Hydrocarbonat (HCO_3^-)	280 – 330 mg
3	Natri (Na^+)	95 - 130 mg
4	Calci (Ca^{2+})	11 – 17 mg
5	Magnesi (Mg^{2+})	3 – 6 mg
6	Kali (K^+)	2 – 3 mg
7	Fluorid (F^-)	< 0,5 mg
8	Iod (I^-)	< 0,01 mg

- Độ pH: 7,5 – 8,5.

1.2 Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Phù hợp với QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai (Phụ lục III).

- Kiểm tra lần đầu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/250ml	Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào
2	Coliform tổng số	CFU/250ml	Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai. Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ.
3	Streptococci feacal	CFU/250ml	
4	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250ml	
5	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	CFU/50ml	

- Kiểm tra lần thứ hai:

STT	Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép (Trong 1ml sản phẩm)			
		n ¹⁾	c ²⁾	m ³⁾	M ⁴⁾
1	Coliform tổng số	4	1	0	2
2	Streptococci feacal	4	1	0	2

3	Pseudomonas aeruginosa	4	1	0	2
4	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	4	1	0	2

n¹⁾: số đơn vị mẫu được lấy từ lô hàng cần kiểm tra.

c²⁾: số đơn vị mẫu tối đa có kết quả nằm giữa m và M, tổng số mẫu có kết quả nằm giữa m và M vượt quá c là không đạt.

m³⁾: mức giới hạn mà các kết quả không vượt quá mức này là đạt, nếu các kết quả vượt quá mức này thì có thể đạt hoặc không đạt.

M⁴⁾: là mức giới hạn tối đa mà không mẫu nào được phép vượt quá.

1.3. Các chỉ tiêu hóa học:

Phù hợp với QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai (Phụ lục I).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Stibi (Antimon)	mg/l	≤ 0,005
2	Arsen, tính theo Arsen tổng số	mg/l	≤ 0,01
3	Bari	mg/l	≤ 0,7
4	Borat, tính theo Bor	mg/l	≤ 5
5	Cadmi	mg/l	≤ 0,003
6	Crom, tính theo Crom tổng số	mg/l	≤ 0,05
7	Đồng	mg/l	≤ 1
8	Cyanid	mg/l	≤ 0,07
9	Fluorid	mg/l	< 0,5
10	Chì	mg/l	≤ 0,01
11	Mangan	mg/l	≤ 0,4
12	Thủy ngân	mg/l	≤ 0,001
13	Nickel	mg/l	≤ 0,02
14	Nitrat, tính theo ion nitrat	mg/l	≤ 50
15	Nitrit, tính theo ion nitrit	mg/l	≤ 0,1
16	Selen	mg/l	≤ 0,01
17	Các chất hoạt động bề mặt	mg/l	(*)
18	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và PCB (polyclobiphenyl)	µg/l	(*)
19	Dầu khoáng	mg/l	(*)
20	Các hydrocarbon thơm đa vòng	µg/l	(*)

(*) Phải nhỏ hơn giới hạn định lượng quy định trong các phương pháp thử tương ứng.

2. Thành phần cấu tạo:

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%).

3. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

Sản phẩm của: Công ty TNHH La Vie – Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Đóng chai tại nguồn: Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Thương nhân tự công bố: Công ty TNHH La Vie – Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Tây Ninh, ngày 01 tháng 04 năm 2026

Soạn thảo bởi



Trưởng phòng Phát triển Sản phẩm

Đỗ Trí Đăng



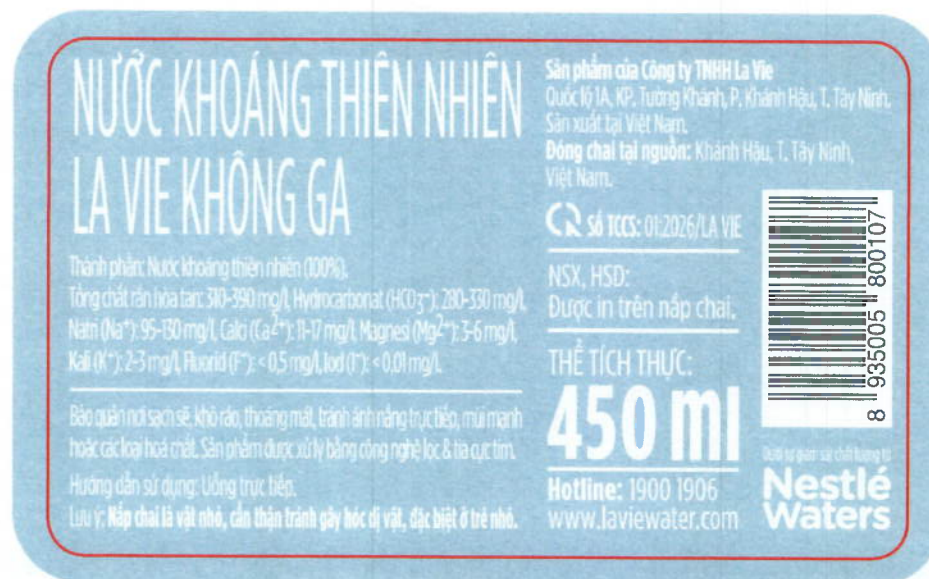
GLASS LABEL - STILL



Front



Back



Zoom in



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Hữu Hào

PRESTIGE LABEL



FRONT



BACK



INSIDE



Zoom in Front

Tính kiềm tự nhiên: pH 8,0 (±0,5)

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%).

Tổng chất rắn hòa tan: 310-390 mg/l, Hydrocarbonat (HCO_3^-): 280-330 mg/l, Natri (Na^+): 95-130 mg/l, Canxi (Ca^{2+}): 11-17 mg/l, Magnezi (Mg^{2+}): 3-6 mg/l, Kali (K^+): 2-3 mg/l, Fluorid (F^-): < 0,5 mg/l, Iod (I^-): < 0,01 mg/l, NSX, HSD: Được in trên chai. Lưu ý: **Nắp chai là vật nhỏ, cần thận tránh gây hóc dị vật, đặc biệt ở trẻ nhỏ.** Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp. Bảo quản nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, mùi mạnh hoặc các loại hóa chất. Sản phẩm được xử lý bằng công nghệ lọc & tia cực tím.

Đơn vị giám sát chất lượng tại
Nestlé Waters

Số TCCS:
01:2026/LA VIE

Sản phẩm của Công ty TNHH La Vie
Quốc lộ 1A, KP. Tường Khánh, P. Khánh Hậu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại Việt Nam.
Đóng chai tại nguồn: Khánh Hậu, T. Tây Ninh, Việt Nam.

Zoom in Back



Zoom in Back



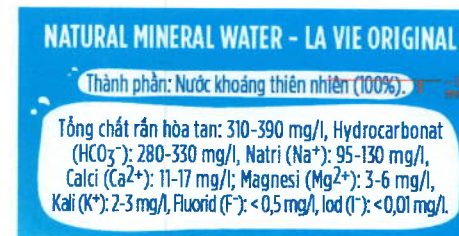
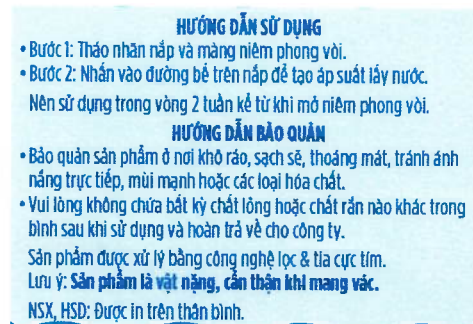
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Hữu Hào

TABLE HOD NGUYÊN BẢN 18,5L



Zoom in



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Hữu Hào

TABLE HOD NGUYÊN BẢN 19L



238mm

BẠN CÓ BIẾT?

Nước khoáng thiên nhiên La Vie là nguồn nước quý từ thiên nhiên trong lành

Giữ trọn vẹn tinh túy thiên nhiên với khoáng chất thiết yếu tốt cho sức khỏe

Mang nguồn năng lượng Yên tích cực từ thiên nhiên

Vị thiên nhiên nguyên bản thanh khiết

100% TINH TÚY THIÊN NHIÊN

laVie

Nguyên Bản

NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN

Nestlé Waters

NATURAL MINERAL WATER - LA VIE ORIGINAL

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%)

Tổng chất rắn hòa tan: 310-390 mg/l, Hydrocarbonat (HCO_3^-): 280-330 mg/l, Natri (Na^+): 95-130 mg/l, Calci (Ca^{2+}): 11-17 mg/l, Magnezi (Mg^{2+}): 3-6 mg/l, Kali (K^+): 2-3 mg/l, Fluorid (F^-): < 0,5 mg/l, Iod (I^-): < 0,01 mg/l

pH: 8,0 (± 0,5) tính kiềm tự nhiên

Sinh ra từ thiên nhiên

Sản phẩm của Công ty TNHH La Vie

Quốc lộ 1A, KP. Tường Khánh, P. Khánh Hậu, T. Tây Ninh, Việt Nam

Sản xuất tại Việt Nam

Đóng chai tại nguồn: Khánh Hậu, T. Tây Ninh, Việt Nam

Số CCCS: 01/2026/LA VIE

Giao hàng tận nơi

1900 1906

www.laviewater.com

106mm

NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE KHÔNG GA

BẠN CÓ BIẾT?

Nước khoáng thiên nhiên La Vie là nguồn nước quý từ thiên nhiên trong lành

Giữ trọn vẹn tinh túy thiên nhiên với khoáng chất thiết yếu tốt cho sức khỏe

Mang nguồn năng lượng Yên tích cực từ thiên nhiên

Vị thiên nhiên nguyên bản thanh khiết

Zoom in

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Bước 1: Tháo màng bọc bảo vệ nắp và nhãn nắp.

Bước 2: Lau sạch nắp, cổ và vai bình.

Bước 3: Úp ngược bình lên thiết bị lấy nước hoặc máy nóng lạnh.

Nên sử dụng trong vòng 2 tuần sau khi mở màng bọc bảo vệ và nhãn nắp.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN

Bảo quản sản phẩm và thiết bị dùng kèm ở nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, mùi mạnh hoặc các loại hóa chất.

Vui lòng không chứa bất kỳ chất lỏng hoặc chất rắn nào khác trong bình sau khi sử dụng và hoàn trả về cho công ty.

Sản phẩm được xử lý bằng công nghệ lọc & tia cực tím.

Lưu ý: Sản phẩm là vật nặng, cần thận khi mang vác.

NSX, HSD: Được in trên thân bình.

NATURAL MINERAL WATER - LA VIE ORIGINAL

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%)

Tổng chất rắn hòa tan: 310-390 mg/l, Hydrocarbonat (HCO_3^-): 280-330 mg/l, Natri (Na^+): 95-130 mg/l, Calci (Ca^{2+}): 11-17 mg/l; Magnezi (Mg^{2+}): 3-6 mg/l, Kali (K^+): 2-3 mg/l, Fluorid (F^-): < 0,5 mg/l, Iod (I^-): < 0,01 mg/l

Sản phẩm của Công ty TNHH La Vie

Quốc lộ 1A, KP. Tường Khánh, P. Khánh Hậu, T. Tây Ninh, Việt Nam

Sản xuất tại Việt Nam

Đóng chai tại nguồn: Khánh Hậu, T. Tây Ninh, Việt Nam

Số CCCS: 01/2026/LA VIE

Zoom in



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Hữu Hào

Đỗ Hữu Hào

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 1/9

1. Tên mẫu : Nước khoáng thiên nhiên La Vie 19L
Thời gian lấy mẫu: 22h00, 20/01/2026
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 19 L
- Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 31/01/2026
5. Thời gian thử nghiệm : 31/01/2026 - 11/02/2026
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE
Quốc Lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

BẢN SAO

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thành Trung

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 0336 quyền số: 01 SCT/BS

Ngày: 02-04-2026

ĐỒNG CHỨNG VIÊN



Đỗ Hữu Anh

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 2/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hàm lượng Selen (Se)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.2	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	0,001	-
7.3	Hàm lượng Bari (Ba),	mg/L	US EPA 200.8	0,07	-
7.4	Hàm lượng Borat tính theo bo (B)	mg/L	US EPA 200.8	0,05	-
7.5	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.6	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.7	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH	0,05
7.8	Hàm lượng Crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.9	Hàm lượng Cyanid (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.10	Hàm lượng Dầu khoáng	mg/L	ISO 9377-2:2000	KPH	0,1
7.11	Hàm lượng Fluorid (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,3	-
7.12	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.13	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.14	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,5	-
7.15	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,02
7.16	Hàm lượng stibi (Sb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.18	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.19	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)

Q326A012103
 (MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 3/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.19.1	4,4'-DDD	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.2	4,4'-DDE	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.3	4,4'-DDT	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.4	Aldrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.5	Dieldrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.6	Endosulfan-sulfate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.7	Endrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.8	HCB	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.9	Heptachlor	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.10	Heptachlor-epoxide	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.11	Methoxychlor	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 4/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.19.12	α -Endosulfan	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.13	α -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.14	β -Endosulfan	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.15	β -HCH	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.16	γ -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.17	δ -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.20	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ carbamate	-	US EPA 8321B	-	-
7.20.1	Aldicarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.2	Fenobucarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.3	Aldicarb sulfone	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.4	Aldicarb sulfoxide	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.5	Carbaryl	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.6	Carbendazime	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.7	Carbofuran	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.8	Imidacloprid	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.9	Isoprocarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.10	Methiocarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.11	Methomyl	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

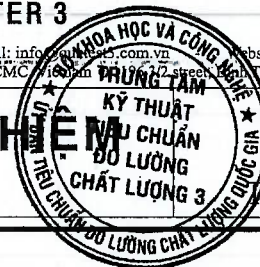
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



10/02/2026

Trang/ Page: 5/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.20.12	Oxamyl	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.13	Propurxur	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.14	Thiabendazole	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.21	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm cúc tổng hợp	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.21.1	Cypermethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.21.2	Deltamethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.21.3	Fenvalerate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.21.4	Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.22	Dư lượng thuốc trừ cỏ	-	US EPA 8321B	-	-
7.22.1	2,4,5-T	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.2	2,4-D	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.3	2,4-DB	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.4	Bentazone	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.5	Dichloprop (2,4-DP)	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.6	Fenoprop	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.7	Fipronil	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.8	MCPA	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.22.9	Mecoprop (MCP)	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.23	Hàm lượng Polychlorinated biphenyls (PCBs)	µg/L	QUATEST3 1047:2023	-	-

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3 Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4 Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5 Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6 Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 6/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.23.1	PCB-101	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.2	PCB-118	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.3	PCB-138	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.4	PCB-149	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.5	PCB-153	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.6	PCB-170	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.7	PCB-18	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.8	PCB-180	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.9	PCB-194	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.10	PCB-209	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.11	PCB-28	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.12	PCB-31	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.13	PCB-44	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.14	PCB-52	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.24	Hàm lượng Hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs)	µg/L	SMEWW 6440C:2023	-	-
7.24.1	Acenaphthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 7/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.24.2	Acenaphthylene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.3	Anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.4	Benzo(a)anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.5	Benzo(a)pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.6	Benzo(b)fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.7	Benzo(g,h,i)perylene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.8	Benzo(k)fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.9	Chrysene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.10	Dibenzo(a,h)anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.11	Fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.12	Fluorene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.13	Indeno(1,2,3-c,d)pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.14	Naphthalene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.15	Phenanthrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.16	Pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 8/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.25	Coliforms	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.26	Escherichia coli	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.27	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.28	Enterococci (Streptococci faecal)	CFU/250mL	ISO 7899-2:2000 (QCVN 06-1:2010/BYT)	< 1 ^(c)	-
7.29	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia)	CFU/50mL	ISO 6461-2:1986	< 1 ^(c)	-

Ghi chú:

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 9/9



2

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

CÔNG TY TNHH LA VIE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 118 /La Vie

V/v thông báo bổ sung quy cách đóng chai
350 ml; 400 ml; 500 ml; 1,5 L; 5 L và 18,5
L cho sản phẩm Nước khoáng thiên nhiên
La Vie không ga và cập nhật thiết kế nhãn
mới

Tây Ninh, ngày 19 tháng 06 năm 2026

Kính gửi: Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm Tây Ninh

Công ty TNHH La Vie xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Chi cục trong thời gian qua.

Công ty TNHH La Vie đã thực hiện tự công bố sản phẩm số 01/TN/La Vie/2026 ngày 01/04/2026 cho sản phẩm Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga tại Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm Tây Ninh theo Phiếu tiếp nhận số 260/HCTH-ATTP ngày 02/04/2026.

Nay chúng tôi xin trân trọng thông báo đến Quý Chi cục nội dung như sau:

Bắt đầu từ tháng 07/2026, chúng tôi sẽ bổ sung thêm quy cách đóng chai 350 ml; 400 ml; 500 ml; 1,5 L; 5 L; 18,5 L của sản phẩm Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga vào Bản tự công bố sản phẩm số 01/TN/La Vie/2026 đã đề cập ở trên và cập nhật thiết kế nhãn mới cho các quy cách đóng chai này. Chất liệu bao bì vẫn là chai nhựa và nắp nhựa. Thời hạn sử dụng là ngày đầu tiên của tháng thứ 24 tính từ tháng sản xuất (đối với các quy cách đóng chai 350 ml; 400 ml; 500 ml; 1,5 L; 5 L) và ngày đầu tiên của tháng thứ 8 tính từ tháng sản xuất (đối với quy cách đóng chai 18,5 L).

Thiết kế nhãn mới của các quy cách đóng chai 350 ml; 400 ml; 500 ml; 1,5 L; 5 L và 18,5 L như đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố cũng như chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Hữu Hào

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
TỈNH TÂY NINH

ĐẾN

Số:.....
Ngày: 19/6/2026..

Chuyển:.....

Số và ký hiệu HS:.....

LAVIE CORE 350ML LABEL



FRONT

BẠN CÓ BIẾT?
Nước khoáng thiên nhiên La Vie là nguồn nước quý từ thiên nhiên trong lành

Giữ trọn vẹn tinh túy thiên nhiên với khoáng chất thiết yếu tốt cho sức khỏe

Mang nguồn năng lượng Yên tích cực từ thiên nhiên

Vị thiên nhiên nguyên bản thanh khiết

Yên
CHẤT TỰ THIÊN NHIÊN
CÁI TÌNH NGUYÊN BẢN

HÃY TÁI CHẾ TỚI!
laVie | **Q**
CÔNG TY TNHH LA VIE
TÂY NINH - VIỆT NAM

Thể tích thực: 350 ml

CHO SỨC KHỎE TỐT HƠN

100% TÍNH TỰ THIÊN NHIÊN

NATURAL MINERAL WATER - LA VIE ORIGINAL

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%).
Tổng chất rắn hòa tan: 310-390 mg/L
Hydrocarbonat (HCO_3^-): 280-330 mg/L, Natri (Na^+): 95-130 mg/L, Canxi (Ca^{2+}): 11-17 mg/L, Magnesi (Mg^{2+}): 3-6 mg/L, Kali (K^+): 2-3 mg/L, Fluorid (F^-): <0,5 mg/L, Iod (I^-): <0,01 mg/L.

NSX, HSD: Được in trên chai.

Lưu ý: Nắp chai là vật nhỏ, cần thận trọng gây hóc dị vật, đặc biệt ở trẻ nhỏ. Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp. Bảo quản nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, mùi mạnh hoặc các loại hóa chất. Sản phẩm được xử lý bằng công nghệ lọc & tia cực tím.

Sản phẩm của Công ty TNHH La Vie
Quốc lộ 1A, KP. Tường Khánh, P. Khánh Hậu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại Việt Nam.

8 935005 801111

NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE KHÔNG GA

Đóng chai tại nguồn: Khánh Hậu, T. Tây Ninh, Việt Nam.

So với nước uống đóng chai VIVA
Số TCCS: 01/2026/LA VIE

Nguyên Bản
NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN

Zoom in Front



Đỗ Hữu Hào
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nếu HSD được in trên chai.
Lưu ý: Nắp chai là vật nhỏ, cần thận trọng gây hóc dị vật,
đặc biệt ở trẻ nhỏ. Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp.
Bảo quản nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, tránh ánh
nắng trực tiếp, mùi mạnh hoặc các loại hóa chất. Sản phẩm
được xử lý bằng công nghệ lọc & tia cực tím.

laVie
TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN

HÃY
TÀI CHẾ
TÔI!

Thị tích chai:
400 ml

laVie
NATURAL MINERAL WATER
EAU MINÉRALE NATURELLE

Nestlé
Waters

Sản phẩm của Công ty TNHH La Vie
Quốc lộ 1A, KP. Tường Khánh, P. Khánh Hậu, T. Tây Ninh.
Số điện thoại: 19001906
www.laviewater.com - Hotline: 19001906
Khánh Hậu, T. Tây Ninh, Việt Nam.
CƠ SỞ SẢN XUẤT VÀ
CHUYÊN DOANH

**NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN
LA VIE KHÔNG GA**

pH: 8,0
(đạt từ nguồn)

laVie
NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN
NATURAL MINERAL WATER
EAU MINÉRALE NATURELLE

laVie
NATURAL MINERAL WATER

Nước khoáng thiên nhiên La Vie là lựa chọn hoàn hảo để phối
cùng những món ngon của bạn. Với vị khoáng thanh khiết dịu
nhẹ, La Vie tôn thêm hương vị món ăn, mang đến cho bạn một
trải nghiệm ẩm thực hài hòa & tinh tế.

Thành phần Nước khoáng thiên nhiên (100%):
Tổng chất rắn hòa tan: 310-390 mg/l,
Hydrocarbonat (HCO_3^-): 280-330 mg/l, Natri (Na^+): 95-130 mg/l,
Canxi (Ca^{2+}): 11-17 mg/l, Magnesi (Mg^{2+}): 3-6 mg/l,
Kali (K^+): 2-3 mg/l, Fluorid (F^-): <0,5 mg/l,
Iod (I^-): <0,01 mg/l.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Hữu Hào

NSX, HSD: Được in trên chai.

Lưu ý: **Nắp chai là vật nhỏ, cần thận trọng gây hóc dị vật,
đặc biệt ở trẻ nhỏ.** Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp.
Bảo quản nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, tránh ánh
nắng trực tiếp, mùi mạnh hoặc các loại hóa chất. Sản phẩm
được xử lý bằng công nghệ lọc & tia cực tím.

CÔNG TY
laVie

TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN



LIÊN MINH
TÀI CHẾ BẢO VỆ
VIỆT NAM

laVie
NATURAL MINERAL WATER

Nước khoáng thiên nhiên La Vie là lựa chọn hoàn hảo để phối
cùng những món ngon của bạn. Với vị khoáng thanh khiết dịu
nhẹ, La Vie tôn thêm hương vị món ăn, mang đến cho bạn một
trải nghiệm ẩm thực hài hòa & tinh tế.

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%).
Tổng chất rắn hòa tan: 310-390 mg/l,
Hydrocarbonat (HCO_3^-): 280-330 mg/l, Natri (Na^+): 95-130 mg/l,
Canxi (Ca^{2+}): 11-17 mg/l, Magnesi (Mg^{2+}): 3-6 mg/l,
Kali (K^+): 2-3 mg/l, Fluorid (F^-): <0,5 mg/l,
Iod (I^-): <0,01 mg/l.

Sản phẩm của Công ty TNHH La Vie
Quốc lộ 1A, KP. Tường Khánh, P. Khánh Hậu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại Việt Nam.

www.laviewater.com - Hotline: 19001906

Đóng chai tại nguồn:

Khánh Hậu, T. Tây Ninh, Việt Nam.

Số TCCS: 01:2026/LA VIE

**NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN
LA VIE KHÔNG GA**

LAVIE CORE 500ML LABEL



FRONT

BẠN CÓ BIẾT?
Nước khoáng thiên nhiên La Vie là nguồn nước quý từ thiên nhiên trong lành.
Giữ trọn vẹn tinh túy thiên nhiên với khoáng chất thiết yếu tốt cho sức khỏe.
Mang nguồn năng lượng Yên tích cực từ thiên nhiên.
Vị thiên nhiên nguyên bản thanh khiết.

Yên
CHÚT TỰ THIÊN NHIÊN
CÂN TRỌNG NGAY HÃNG NHẤT



HÃY TÀI CHẾ TÔI!
CÔNG TY LA VIE
LIÊN MINH TÀI CHẾ BẢO HIỂM VIỆT NAM
TỰ NÀO LA THANH VIÊN

Thể tích thực:
500ml

CHO SỨC KHỎE TỐT HƠN

100% TỰ THIÊN NHIÊN

NATURAL MINERAL WATER - LA VIE ORIGINAL

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%).
Tổng chất rắn hòa tan: 310-390 mg/L.
Hydrocarbonat (HCO_3^-): 280-330 mg/L, Natri (Na^+): 95-130 mg/L, Canxi (Ca^{++}): 11-17 mg/L, Magiesi (Mg^{++}): 3-6 mg/L, Kali (K^+): 2-3 mg/L, Fluorid (F^-): <0,5 mg/L, Iod (I^-): <0,01 mg/L.

NSX, HSD: Được in trên chai.
Lưu ý: Nắp chai là vật nhỏ, cần thận trọng gây hóc dị vật, đặc biệt ở trẻ nhỏ. Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp. Bảo quản nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, mùi mạnh hoặc các loại hóa chất. Sản phẩm được xử lý bằng công nghệ lọc & tia cực tím.

Sản phẩm của Công ty TNHH La Vie
Quốc lộ 1A, KP. Tường Khánh, P. Khánh Hậu, T. Tây Ninh, Việt Nam.
Sản xuất tại Việt Nam.



8 935005 801135

Zoom in Front

NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE
Đóng chai tại nguồn: Khánh Hậu, T. Tây Ninh, Việt Nam.
KHÔNG GA **So với nước uống đóng chai ViVa
cơ sở TCCS: 01/2026/LA VIE

Nguyên Bản
NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Hữu Hào

LAVIE CORE 1,5L LABEL



FRONT

BẠN CÓ BIẾT?
Nước khoáng thiên nhiên La Vie là nguồn nước quý từ thiên nhiên trong lành.

Giữ trọn vẹn tinh túy thiên nhiên với khoáng chất thiết yếu tốt cho sức khỏe.

Mang nguồn năng lượng Vẹn tích cực từ thiên nhiên.

Vị thiên nhiên nguyên bản thanh khiết.

Yên
TỪ THIÊN NHIÊN
CÂN TRỌNG NGAY NÀO NHIỆT



HÃY TÀI CHẾ TÔI!
CÔNG TY
laVie
LIÊN MINH TÀI CHẾ BẢO HIỂM VIỆT NAM
TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN

CHO SỨC KHỎE TỐT HƠN*

100% TINH TÚY THIÊN NHIÊN*

Thể tích thực
1,5L

NATURAL MINERAL WATER - LA VIE ORIGINAL

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%).
Tổng chất rắn hòa tan: 310-390 mg/l,
Hydrocarbonat (HCO₃⁻): 280-330 mg/l, Natri (Na⁺): 95-130 mg/l,
Canxi (Ca²⁺): 11-17 mg/l, Magnezi (Mg²⁺): 3-6 mg/l,
Kali (K⁺): 2-3 mg/l, Fluorid (F⁻): <0,5 mg/l, Iod (I⁻): <0,01 mg/l.

NSX, HSD: Được in trên chai.
Lưu ý: Nắp chai là vật nhỏ, cần thận tránh gây hóc dị vật, đặc biệt ở trẻ nhỏ. Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp. Bảo quản nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, mùi mạnh hoặc các loại hóa chất. Sản phẩm được xử lý bằng công nghệ lọc & tia cực tím.

Sản phẩm của Công ty TNHH La Vie
Quốc lộ 1A, KP. Tường Khánh, P. Khánh Hậu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại Việt Nam.



Zoom in Front

NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE KHÔNG GA

Đóng chai tại nguồn: Khánh Hậu, T. Tây Ninh, Việt Nam.

Số TCS: 01:2026/LA VIE (**) So với nước uống đóng chai VIVA.

Nguyên Bản
NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN



Đỗ Hữu Hào
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

LAVIE CORE 5L LABEL



FRONT

BẠN CÓ BIẾT?

Nước khoáng thiên nhiên La Vie là nguồn nước quý từ thiên nhiên trong lành

(+) Giải trọn vẹn tinh túy thiên nhiên với khoáng chất thiết yếu tốt cho sức khỏe

Mang nguồn năng lượng Viên tích cực từ thiên nhiên

Vị thiên nhiên nguyên bản thanh khiết

CHÚT **Yên**
TỪ THIÊN NHIÊN
CÂN TRỌNG NGÀY NÀO NHIỆT



HÃY TÁI CHẾ TÔI!

CÔNG TY
laVie
TỰ NÀO LÀ THÀNH VIÊN

CHO
**SỨC KHỎE
TỐT HƠN**

100%
TINH TÚY
THIÊN NHIÊN

Thể tích thực:

5L

NATURAL MINERAL WATER - LA VIE ORIGINAL

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%).

Tổng chất rắn hòa tan: 310-390 mg/l,

Hydrocarbonat (HCO_3^-): 280-330 mg/l, Natri (Na^+): 95-130 mg/l,

Canxi (Ca^{2+}): 11-17 mg/l, Magnezi (Mg^{2+}): 3-6 mg/l,

Kali (K^+): 2-3 mg/l, Fluorid (F^-): <0,5 mg/l, Iod (I^-): <0,01 mg/l.

NSX, HSD: Được in trên chai.

Lưu ý: Sản phẩm là vật nặng, cần thận khi mang vác.
Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp. Bảo quản nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, mùi mạnh hoặc các loại hóa chất. Sản phẩm được xử lý bằng công nghệ lọc & tia cực tím.

Sản phẩm của Công ty TNHH La Vie

Quốc lộ 1A, KP. Tường Khánh, P. Khánh Hậu, T. Tây Ninh.

Sản xuất tại Việt Nam.



Zoom in Front

**NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE
KHÔNG GA**

Đóng chai tại nguồn: Khánh Hậu, T. Tây Ninh, Việt Nam.

(**) So với nước uống đóng chai ViVa.

Số TCCS: 01:2026/LA VIE

Nguyên Bản
NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN



Đỗ Hữu Hào
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

HOD LA VIE NGUYÊN BẢN TÂY NINH 18.5L



BẠN CÓ BIẾT?

Nước khoáng thiên nhiên La Vie là nguồn nước quý từ thiên nhiên trong lành

(*) Giữ trọn vẹn tinh túy thiên nhiên với khoáng chất thiết yếu tốt cho sức khỏe

Mang nguồn năng lượng Yên tích cực từ thiên nhiên

Vị thiên nhiên nguyên bản thanh khiết

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Bước 1: Tháo nhãn nắp và màng niêm phong vòi.
- Bước 2: Tạo lỗ thông áp tại vị trí mũi tên trên nắp trước khi mở vòi lấy nước. Nên sử dụng trong vòng 2 tuần kể từ khi mở niêm phong vòi.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN

- Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, mùi mạnh hoặc các loại hóa chất.
 - Vui lòng không chứa bất kỳ chất lỏng hoặc chất rắn nào khác trong bình sau khi sử dụng và hoàn trả về cho công ty.
- Sản phẩm được xử lý bằng công nghệ lọc & tia cực tím.
Lưu ý: Sản phẩm là vật nặng, cần thận khi mang vác.
NSX, HSD: Được in trên thân bình.

NATURAL MINERAL WATER - LA VIE ORIGINAL

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%).

Tổng chất rắn hòa tan: 310-390 mg/l,
Hydrocarbonat (HCO_3^-): 280-330 mg/l, Natri (Na^+): 95-130 mg/l,
Calci (Ca^{2+}): 11-17 mg/l; Maginesi (Mg^{2+}): 3-6 mg/l,
Kali (K^+): 2-3 mg/l, Fluorid (F^-): < 0,5 mg/l, Iod (I^-): < 0,01 mg/l.

Sản phẩm của Công ty TNHH La Vie
Quốc lộ 1A, KP. Tường Khánh, P. Khánh Hậu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại Việt Nam.

Đóng chai tại nguồn: Khánh Hậu, T. Tây Ninh, Việt Nam.

C.Số TCCS: 01/2026/LA VIE

Zoom in



Zoom in

Đỗ Hữu Hào
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC